

Ngành Ngân hàng

Báo cáo cập nhật

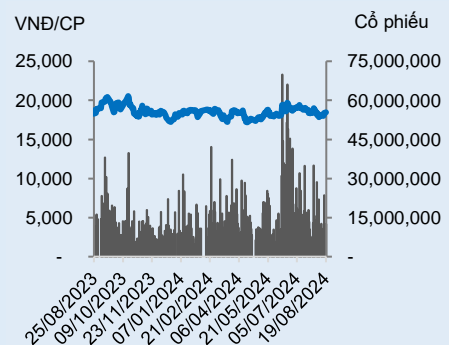
Tháng 8, 2024

Khuyến nghị	OUTPERFORM
Giá kỳ vọng (VNĐ/CP)	23.869
Giá thị trường (19/8/2024)	18.450
Lợi nhuận kỳ vọng	+29,4%

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17.186-20.545
Vốn hóa	146.381 tỷ đồng
SL cổ phiếu lưu hành	7.933.923.601
KLGD bình quân 10 ngày	13.453.601
% sở hữu nước ngoài	26,15%
Room nước ngoài	30%
Giá trị cổ tức/cổ phần	1.000
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	5,4%
Beta	0,98

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	YTD	1T	3T	6T
VPB	3,1%	0,3%	2,2%	-2,4%
VNIndex	11,5%	2,4%	-1,6%	0,6%

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Hoàng, CFA

(84 24) 3928.8080 ext.212

hoangnd@bvsc.com.vn

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Mã giao dịch: VPB

Reuters: VPB.HM

Bloomberg: VPB VN

Tăng trưởng mạnh mẽ, định giá hấp dẫn

KQKD năm 2024 dự báo tăng trưởng. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) và LNST của VPB dự báo đạt lần lượt 60.352 tỷ đồng (+21% y/y) và 15.096 tỷ đồng (+51% y/y). Động lực tăng trưởng chính: (1) Tăng trưởng tín dụng ở mức 23%; (2) NIM hồi phục 12 bps lên 5,80%; và (3) Credit cost giảm xuống 4,1%.

BVSC dự phóng KQKD FE Credit sẽ hồi phục và bắt đầu có lãi trở lại trong năm 2024. Dự báo dựa trên các cơ sở: (1) FEC đã tái cơ cấu gần hết danh mục cho vay; (2) mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp cải thiện khả năng trả nợ khách hàng; (3) FEC sẽ có tăng trưởng tín dụng trở lại khi nhu cầu tín dụng tiêu dùng hồi phục và giải ngân mới của FEC cũng đã bắt đầu tăng từ tháng 4/2024; và (4) Hoạt động thu hồi nợ cũng đang có dấu hiệu cải thiện tích cực.

Tiềm năng tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ trong thời gian tới. Nguồn vốn của VPB dồi dào, có nhiều động lực đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới để cải thiện hiệu quả sinh lời. Ngoài ra, VPB có cơ hội được cấp thêm hạn mức tín dụng khi nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng yếu kém. VPB cũng có thể sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ từ đối tác chiến lược SMBC về nguồn vốn và tiếp cận khách hàng mới.

Chất lượng tài sản VPB dự báo tiếp tục cải thiện. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của VPB dự báo giảm 0,6% xuống 4,4% vào cuối năm 2024. Chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu giảm cả ở Ngân hàng mẹ và FE Credit nhờ: (1) Mặt bằng lãi suất thấp; (2) kinh tế và thu nhập người dân hồi phục; (3) Thị trường BĐS hồi phục; và (4) Tái cơ cấu danh mục cho vay FEC với chất lượng khách hàng cao hơn.

Chúng tôi sử dụng phương pháp Thu nhập thặng dư (Residual Income), phương pháp so sánh sử dụng P/B và phương pháp giá trị sổ sách để xác định giá mục tiêu của VPB và các công ty con. Giá mục tiêu của VPB là **23.869 đồng/cổ phiếu**. Do giá mục tiêu của VPB đang cao hơn giá đóng cửa ngày 19/8/2024 là **29,4%**, BVSC khuyến nghị **OUTPERFORM** đối với cổ phiếu VPB.

Cập nhật KQKD Q2/2024: tăng trưởng mạnh mẽ

TOI và LNTT Q2/2024 của VPB đạt lần lượt 16.128 tỷ đồng (+26% y/y; +20% q/q) và 4.483 tỷ đồng (+72% y/y; +7% q/q), tích cực hơn so với dự báo của chúng tôi. Động lực chính tăng trưởng LNTT của VPB trong Q2 đến từ: (1) FE credit có lãi trở lại; (2) NIM ngân hàng mẹ hồi phục 43 bps lên 5,13%; (3) Tăng trưởng tín dụng trong Q2 tích cực; và (4) CIR NH mẹ giảm xuống 22,6%.

FEC là động lực tăng trưởng chính của KQKD của VPB trong Q2/2024. FE credit có lãi trở lại trong Q2/2024 với LNST ước đạt 145 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 1.966 tỷ đồng). FEC giảm mạnh chi phí trích lập dự phòng RRTD xuống 2.834 tỷ đồng (-29% y/y) và NIM cải thiện.

Ngân hàng mẹ VPB tăng mạnh chi phí trích lập dự phòng lên 5.479 tỷ đồng (+120% y/y; +120% q/q) để trích lập toàn bộ lượng trái phiếu VAMC 4.350 tỷ đồng. Do trích lập chủ yếu cho trái phiếu VAMC nên tỷ lệ NPL và hệ số bao phủ nợ (LLCR) đi ngang trong Q2/2024. Tuy nhiên, điểm thiếu tích cực là tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng tăng lên 8,0% so với mức 7,8% của Q1/2024.

Chỉ tiêu (đvt: tỷ đồng)	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	Q2/2024	Q2 qoq	Q2 yoy
Tăng trưởng tín dụng (q/q)	5,00%	6,28%	6,95%	2,07%	5,51%		
NIM	5,76%	5,38%	6,19%	6,07%	6,58%		
CIR	28,78%	28,37%	27,33%	25,85%	20,65%		
Credit cost (annualized)	5,45%	3,92%	5,16%	4,01%	5,51%		
NPL ratio	6,52%	5,73%	5,08%	4,90%	5,10%		
% Nợ nhóm 2	8,19%	8,03%	6,96%	8,42%	7,95%		
Thu nhập lãi thuần	8.762	8.837	11.042	11.323	12.408	9,6%	41,6%
Thu nhập ngoài lãi	4.019	2.425	2.295	2.087	3.720	78,2%	-7,5%
Tổng thu nhập hoạt động	12.782	11.262	13.337	13.411	16.128	20,3%	26,2%
Chi phí hoạt động	-3.679	-3.195	-3.644	-3.467	-3.331	-3,9%	-9,4%
Dự phòng RRTD	-6.490	-4.950	-7.168	-5.762	-8.313	44,3%	28,1%
LNTT	2.613	3.117	2.525	4.182	4.483	7,2%	71,6%
LNST	2.452	2.428	1.964	3.142	3.633	15,6%	48,1%

Điểm nhấn đầu tư

Kết quả kinh doanh 2024 dự báo tăng trưởng vững chắc

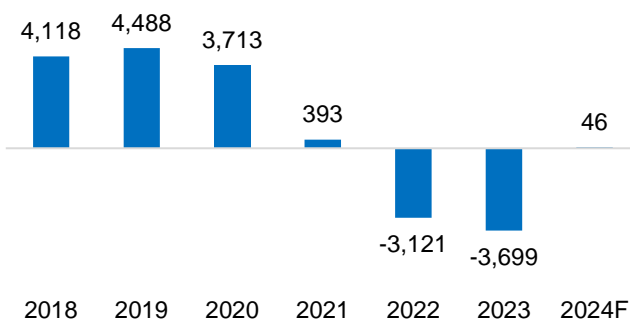
Báo cáo hợp nhất: Chúng tôi dự phóng tổng thu nhập hoạt động (TOI) và LNST của VPB đạt lần lượt 60.352 tỷ đồng (+21% y/y) và 15.096 tỷ đồng (+51% y/y). Động lực tăng trưởng chính: (1) Tăng trưởng tín dụng ở mức 23%; (2) NIM hồi phục 12 bps lên 5,80%; và (3) Credit cost giảm xuống 4,1%.

Chi tiêu (đvt: tỷ đồng)	2022	2023	2024F	Cơ sở dự báo
Tăng trưởng tín dụng	23,4%	29,2%	23,5%	Động lực tăng trưởng đến từ mảng KHCN, SME và phân khúc FDI mới. Nhu cầu tín dụng của KHCN dự báo cải thiện mạnh hơn trong 2H2024.
- Ngân hàng mẹ	29,2%	37,3%	25,0%	CAR của VPB cao nhất hệ thống, có nhiều động lực đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng để cải thiện các hệ số sinh lời.
- FE Credit	-2,7%	-14,6%	10,0%	Tín dụng tiêu dùng kỳ vọng hồi phục mạnh mẽ hơn trong 2H2024 khi thu nhập người dân cải thiện và kinh tế duy trì tăng trưởng.
- Margin VPBS		118,5%	40,0%	
NIM	7,84%	5,68%	5,84%	Chi phí vốn (COF) giảm mạnh nhờ mặt bằng lãi suất huy động giảm.
- Ngân hàng mẹ	5,40%	4,24%	4,31%	FEC cải thiện NIM rõ rệt hơn nhờ giảm trích lập dự phòng rủi ro và
- FE Credit	20,72%	17,32%	18,00%	tăng hiệu quả thu nợ giúp thu nhập từ lãi không bị ảnh hưởng nhiều.
NPL	5,73%	5,02%	4,36%	Mặt bằng lãi suất dù tăng trong 2H2024 nhưng vẫn ở mức thấp giúp
- Ngân hàng mẹ	2,80%	3,20%	2,81%	cải thiện khả năng trả nợ của khách hàng.
- FE Credit	20,45%	19,99%	19,00%	Thị trường BĐS được kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ hơn trong 2H2024
				Thông tư 06/2024/TT-NHNN sửa đổi TT02 về việc gia hạn nợ và giữ nguyên nhóm nợ giúp NPL tránh bị ảnh hưởng tiêu cực.
CIR	24,42%	28,03%	24,98%	CIR tối ưu do TOI được cải thiện mạnh mẽ. VPB cũng tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến số hóa, tự động hóa quy trình để kiểm soát chi phí. Kỳ vọng CIR duy trì ở mức 25-26% trong dài hạn. KQKD các mảng hoạt động của VPB cũng cải thiện giúp hệ số CIR giảm.
Thu nhập lãi thuần	41.021	38.175	48.120	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ.
Tăng trưởng	19%	-7%	26%	NIM cải thiện 12 bps lên 5,8%.
Thu nhập ngoài lãi	16.776	11.565	12.232	Lãi thuần từ hoạt động bancassurance hồi phục chậm do thị trường bảo hiểm vẫn còn nhiều khó khăn.
Tăng trưởng	69%	-31%	6%	Nguồn thu phí dự báo tăng trưởng tích cực nhờ nguồn thu phí từ thẻ và hoạt động thanh toán.
				Thu từ nợ đã xử lý dự báo cũng sẽ tăng trưởng tích cực.
				Lãi thuần từ các công cụ tài chính phái sinh khác của VPB bị sụt giảm mạnh.
Tổng thu nhập hoạt động	57.797	49.739	60.352	
Tăng trưởng	30%	-14%	21%	CIR giảm xuống 25,5%.
Chi phí dự phòng RRTD	-22.461	-24.994	-25.598	FEC tái cơ cấu danh mục cho vay với chất lượng khách hàng tốt hơn giúp giảm rủi ro trích lập dự phòng.
- Ngân hàng mẹ	-8.744	-12.530	-15.394	Trích lập dự phòng của NH mẹ cao do xử lý trái phiếu VAMC 4.350 tỷ đồng trong Q2/2024.
- FE Credit	-13.718	-12.464	-10.203	Trong 2H2024, credit cost dự báo giảm xuống trong bối cảnh áp lực nợ xấu giảm và thị trường BĐS hồi phục.
LNTT	21.220	10.804	19.042	
- Ngân hàng mẹ	24.005	13.468	17.366	FEC lỗ 707 tỷ đồng trong 1H và kỳ vọng sẽ có lãi trở lại trong 2H2024 nhờ giảm chi phí dự phòng và NIM hồi phục.
- FE Credit	-3.327	-3.919	46	
- VPBS	542	1.255	1.443	Ngân hàng mẹ hồi phục mạnh nhờ cải thiện thu nhập từ lãi thuần nhờ tăng trưởng tín dụng tốt và NIM tăng trưởng.
- OPES	65	156	362	
LNST - CĐTTS	18.168	9.974	15.096	
Tăng trưởng	55%	-45%	51%	

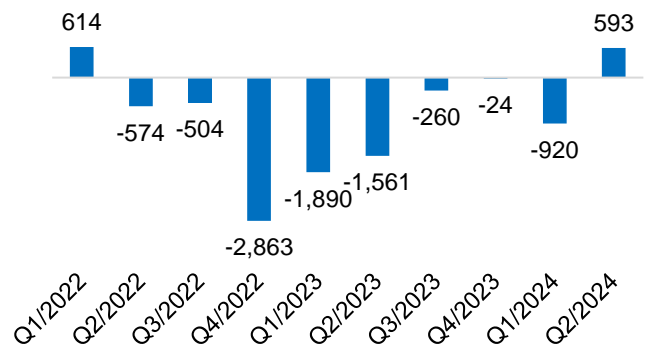
Tái cơ cấu FEC, kết quả kinh doanh cải thiện tích cực

BVSC dự phóng KQKD FE Credit sẽ hồi phục và bắt đầu có lãi trở lại trong năm 2024 dựa trên các cơ sở: (1) FEC đã tái cơ cấu gần hết danh mục cho vay; (2) Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp cải thiện khả năng trả nợ khách hàng; (3) FEC sẽ có tăng trưởng tín dụng trở lại khi nhu cầu tín dụng tiêu dùng hồi phục và giải ngân mới của FEC cũng đã bắt đầu tăng từ tháng 4/2024; và (4) Hoạt động thu hồi nợ cũng đang có dấu hiệu cải thiện tích cực.

LNTT FEC theo năm
(Đvt: tỷ đồng)



LNTT FEC theo quý
(Đvt: tỷ đồng)



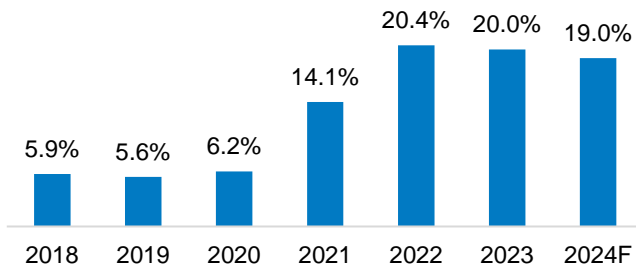
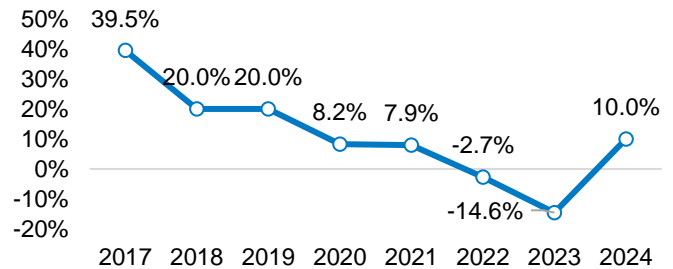
Chi phí trích lập dự phòng RRTD của FEC dự báo giảm xuống 10.203 tỷ đồng (-18% y/y) trong 2024. Việc gần hoàn thành tái cơ cấu danh mục cho vay FEC với chất lượng cho vay cao hơn và Tỷ lệ nợ xấu (NPL) đang giảm giúp giảm áp lực trích lập dự phòng của FEC. Trong 1H2024, VPB cũng đã giảm trích lập xuống 6.110 tỷ đồng (-23% y/y).

Dự báo tăng trưởng tín dụng của FEC đạt 10% trong năm 2024 nhờ nhu cầu tài chính tiêu dùng dự báo hồi phục. Tính đến cuối Q2/2024, FEC có tăng trưởng tín dụng từ HĐ kinh doanh cốt lõi +3,5% ytd tính đến cuối Q2/2024. Trước đó, năm 2022 và 2023, tín dụng của FEC liên tục đi lùi -3% và -15%.

COF của FEC dự kiến giảm xuống giảm xuống 6%-7% so với mức 9%-11% như trước đây với sự hỗ trợ của VPB và SMBC. Đây là cơ sở giúp FEC tiếp cận đối tượng khách hàng có chất lượng cao hơn. YEA của FEC cũng đã giảm xuống quanh 22% trong năm 2023 so với mức quanh 35-40% giai đoạn trước đó.

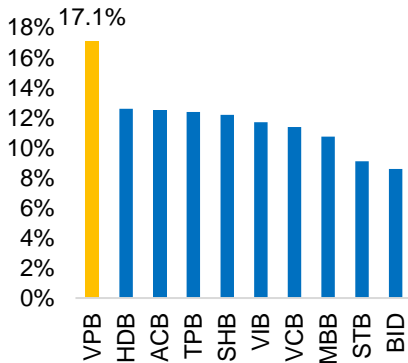
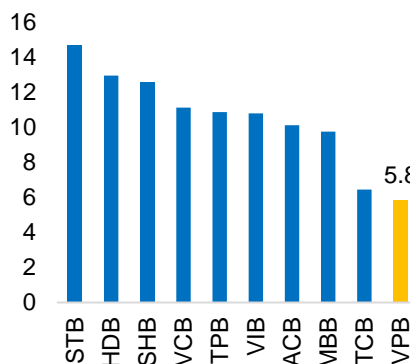
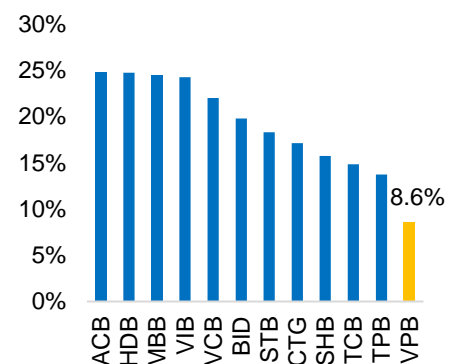
FEC đã tái cơ cấu được 70% danh mục cho vay tính đến cuối Q1/2024. FEC bắt đầu triển khai tái cơ cấu danh mục từ tháng 5/2023 và đã tái cơ cấu được 70% danh mục tính đến cuối Q1/2024 và dự kiến hoàn thành trong 2024. Một số thông tin về việc tái cơ cấu:

- Thay đổi khẩu vị rủi ro theo hướng ít rủi ro.
- Quy trình cho vay, tuân thủ các tiêu chuẩn về khách hàng cho vay cũng chặt chẽ hơn.
- Ưu tiên phát triển nhóm khách hàng là công nhân làm việc tại các KCN. Giảm tỷ trọng cho vay tiền mặt.

NPL của FEC

Tăng trưởng cho vay của FEC


Tiềm năng tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ trong thời gian tới

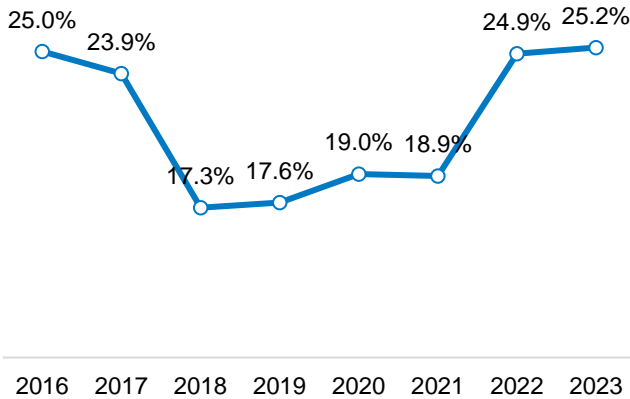
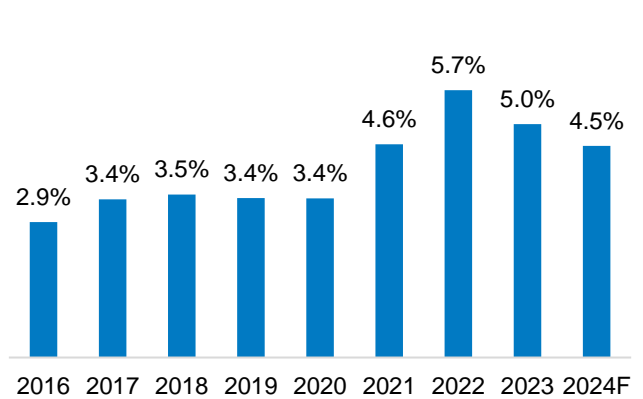
Nguồn vốn của VPB dồi dào, có nhiều động lực đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới để cải thiện hiệu quả sinh lời. VPB có hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 17,1%, cao nhất hệ thống tính đến cuối 2023. Tuy nhiên, hệ số đòn bẩy Tổng tài sản/VCSH lại chỉ 5,8 lần, thấp nhất trong các ngân hàng niêm yết. Điều này khiến hiệu quả sinh lời của VPB thấp, hệ số ROE chỉ ở mức 8,6%. Do đó, VPB có nhiều dư địa để đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng khi hệ số CAR đang cao và giúp tăng trưởng KQKD, cải thiện hệ số ROE. Nếu giảm CAR về 12% (mức trung bình ngành), VPB có thể tăng trưởng tín dụng thêm 42% mà không cần tăng VCSH.

CAR

A/E

ROE


VPB có cơ hội được cấp thêm hạn mức tín dụng khi nhận chuyển giao bắt buộc ngân hàng yếu kém. Chính phủ đang đặt quyết tâm thực hiện chuyển giao bắt buộc 3 ngân hàng yếu kém (trong tổng số 4 ngân hàng thuộc diện tái cơ cấu) trong năm 2024 sau khi đã hoàn thành việc định giá và đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc.

VPB sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ về nguồn vốn từ đối tác chiến lược SMBC. Việc huy động được các khoản vay quốc tế sẽ giúp bổ sung nguồn vốn dài hạn và đảm bảo đa dạng hóa nguồn vốn đầu vào đối với VPB. SMBC là ngân hàng lớn thứ 2 Nhật Bản với quy mô tổng tài sản hơn 2.100 tỷ USD và có nhiều tiềm lực, kinh nghiệm để hỗ trợ VPB huy động vốn vay quốc tế. Trong quá khứ, VPB vay hợp vốn 500 triệu USD từ SMBC và các ngân hàng khác trong năm 2022.

VPB có tiềm năng tăng trưởng tín dụng từ các khách hàng FDI, khách hàng DN lớn với sự hỗ trợ của SMBC. VPB cũng đang định hướng đẩy mạnh tới đối tượng cho vay khách hàng FDI trong thời gian gần đây, số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của VPB đang tăng trưởng mạnh.

Tăng trưởng tín dụng của VPB

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của VPB


Chất lượng tài sản cải thiện

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của VPB dự báo giảm 0,6% xuống 4,5% vào cuối năm 2024. Chúng tôi dự báo tỷ lệ nợ xấu giảm cả ở Ngân hàng mẹ và FE Credit nhờ: (1) Mặt bằng lãi suất thấp; (2) kinh tế và thu nhập người dân hồi phục; (3) Thị trường BĐS hồi phục; và (4) Tái cơ cấu danh mục cho vay FEC với chất lượng khách hàng cao hơn.

Cho vay liên quan đến xây dựng và BĐS của VPB chiếm khoảng 41% danh mục cho vay của VPB. Cụ thể, cho vay doanh nghiệp BĐS chiếm 22,5%, cho vay mua nhà chiếm 13,8% và cho vay xây dựng chiếm 4,6%. Ngoài ra, cho vay tiêu dùng chiếm khoảng 10%. Chúng tôi kỳ vọng VPB là một trong những ngân hàng được hưởng lợi lớn từ các chính sách hỗ trợ thị trường BĐS của Chính phủ để tháo gỡ khó khăn.

Định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp thu nhập thặng dư (Residual Income), phương pháp so sánh sử dụng P/B và phương pháp giá trị sổ sách để xác định giá mục tiêu của VPB và các công ty con. Giá mục tiêu của VPB là **23.869 đồng/cổ phiếu**.

Định giá (Đvt: tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Định giá	Giá trị sở hữu của VPB	Phương pháp định giá
Ngân hàng mẹ VPB	100%	166.488	166.800	Residual Income và P/B
Công ty TNHH Quản lý TS NHTMCP VN Thịnh Vượng	100%	115	115	Book value
CT Tài chính TNHH NH VN Thịnh Vượng SMBC	50%	10.329	5.164	Book value
CTCP Chứng khoán VPBank	100%	16.445	16.438	Book value
CTCP Bảo hiểm OPES	98%	658	645	Book value
CTCP Thông tin tín dụng	3%	100	3	Book value
CTCP Cảng Sài Gòn	7%	2.764	206	Book value
Tổng giá trị			189.371	
Số lượng cổ phiếu (CP)			7.933.923.601	
Giá mục tiêu (đồng/cổ phiếu)			23.869	

Định giá ngân hàng mẹ VPB:

Định giá (Đvt: tỷ đồng)	Giá trị hợp lý VCSH	Tỷ trọng
Phương pháp thu nhập thặng dư (RI)	154.727	50%
P/B mục tiêu 1,28x	178.873	50%
Giá trị hợp lý VCSH	166.800	

Chi phí vốn chủ sở hữu	
Lãi suất phi rủi ro	3,69%
Beta	1,05
Lãi suất bù thị trường	9,00%
Re	13,09%

(Đvt: tỷ đồng)	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Giá trị sổ sách đầu năm (Book value)	134.153	140.219	149.180	161.288	179.903	202.476	228.125
+ LNST	14.000	16.895	20.042	26.549	30.506	33.584	37.312
- Cổ tức bằng tiền mặt	-7.934	-7.934	-7.934	-7.934	-7.934	-7.934	-7.934
+ Phát hành tăng vốn	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị sổ sách cuối năm (Book value)	140.219	149.180	161.288	179.903	202.476	228.125	257.503
Chi phí vốn chủ sở hữu	-17.561	-18.355	-19.528	-21.113	-23.550	-26.505	-29.863
Thu nhập thặng dư	-3.561	-1.460	513	5.436	6.956	7.079	7.449
Giá trị cuối cùng (Terminal Value)							329.823

PV của Thu nhập thặng dư	Đơn vị	Giá trị
Giá trị sổ sách hiện tại	tỷ đồng	140.219
Giá trị hợp lý của Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	154.727

Khuyến nghị

VPB dự báo có KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong 2024. Tổng thu nhập hoạt động và LNST dự báo đạt lần lượt 60.352 tỷ đồng (+21% y/y) và 15.096 tỷ đồng (+51% y/y). Động lực tăng trưởng chính: (1) Tăng trưởng tín dụng ở mức 19%; (2) NIM hồi phục 12 bps lên 5,80%; và (3) Credit cost giảm xuống 4,1%.

VPB hướng đến hoàn thành tái cơ cấu danh mục cho vay FEC trong năm 2024. Chúng tôi kỳ vọng FE Credit sẽ hồi phục và bắt đầu có lãi trở lại trong năm 2024 dựa trên các cơ sở: (1) FEC đã tái cơ cấu gần hết danh mục cho vay; (2) Mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp cải thiện khả năng trả nợ khách hàng; (3) FEC sẽ có tăng trưởng tín dụng trở lại khi nhu cầu tín dụng tiêu dùng hồi phục và giải ngân mới của FEC cũng đã bắt đầu tăng từ tháng 4/2024; và (4) Hoạt động thu hồi nợ cũng đang có dấu hiệu cải thiện tích cực.

Sử dụng phương pháp thu nhập thặng dư (Residual Income), phương pháp so sánh sử dụng P/B và phương pháp giá trị sổ sách để xác định giá mục tiêu của VPB và các công ty con. Giá mục tiêu của VPB là **23.869 đồng/cổ phiếu**. Do giá mục tiêu của VPB đang cao hơn giá đóng cửa ngày 19/8/2024 là **29,4%**, BVSC khuyến nghị **OUTPERFORM** đối với cổ phiếu VPB.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DỰ BÁO

Kết quả kinh doanh				
(Đơn vị: tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F
Tổng thu nhập hoạt động	44.301	57.797	49.739	60.352
Chi phí hoạt động	-10.719	-14.116	-13.941	-15.074
Lợi nhuận thuần trước DPRRTD	33.583	43.681	35.798	45.278
Dự phòng rủi ro tín dụng	-19.219	-22.461	-24.994	-26.236
Lợi nhuận sau thuế	11.721	18.168	9.974	15.096

Bảng cân đối kế toán				
(Đơn vị: tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024F
Tiền, vàng bạc, đá quý	2.346	2.658	2.285	3.895
Tiền gửi tại NHNN	10.861	9.935	8.423	38
Tiền vàng gửi tại các TCTD khác	57.105	47.965	94.094	102.905
Cho vay khách hàng	345.390	424.662	551.472	681.089
Chứng khoán đầu tư	75.798	83.076	94.587	109.519
Tổng tài sản có	547.409	631.013	817.567	996.324
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	8.454	1.929	4.118	5.087
Tiền gửi và vay các TCTD khác	114.619	140.249	156.357	182.690
Tiền gửi của khách hàng	241.837	303.151	442.368	546.454
Vốn chủ sở hữu	86.278	103.502	139.796	150.948
Tổng nguồn vốn	547.409	631.013	817.567	996.324

Chỉ số tài chính				
Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024F
Chỉ tiêu tăng trưởng				
Tăng trưởng cho vay khách hàng	22,17%	23,38%	29,19%	23,53%
Tăng trưởng huy động	3,60%	25,35%	45,92%	23,53%
Tăng trưởng tổng tài sản	30,64%	15,27%	29,56%	21,86%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	63,43%	19,96%	35,07%	7,98%
Chỉ tiêu sinh lời				
NIM	7,93%	7,84%	5,68%	5,84%
ROA	2,43%	3,08%	1,38%	1,66%
ROE	17,87%	20,74%	8,62%	10,77%
Chỉ tiêu chất lượng tài sản				
NPL	4,57%	5,73%	5,01%	4,54%
Dự phòng/Tổng dư nợ	5,95%	5,66%	4,98%	4,15%
Chỉ tiêu thanh khoản				
Cho vay/Tổng tài sản	63,10%	67,30%	67,45%	68,36%
Cho vay/Huy động	142,82%	140,08%	124,66%	124,64%
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần				
EPS (đồng/cổ phần)	2.647	2.718	1.433	1.903
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	19.408	15.418	17.620	19.026

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên **Nguyễn Đức Hoàng** xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Báo cáo được hoàn thành trên cơ sở khách quan độc lập. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy. Tuy nhiên, **tôi** không đảm bảo tính đầy đủ cũng như không kiểm chứng được hết những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm khách quan của cá nhân **tôi** mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư về những tổn thất có thể xảy ra, thua lỗ khi đầu tư. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** và **tôi** cũng không chịu bất kỳ trách nhiệm về những thông tin chưa chính xác về doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả những hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Hệ thống nhận định của BVSC được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu hiện tại so với giá mục tiêu, xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại. Trừ khi có nhận định khác, những nhận định đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng.

Các nhận định	Định nghĩa
OUTPERFORM	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên +15%
NEUTRAL	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -15% đến +15%
UNDERPERFORM	Tổng lợi nhuận nắm giữ cổ phiếu kỳ vọng trong 12 tháng tới dự báo sẽ dưới -15%

LIÊN HỆ

Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Phạm Tiến Dũng Giám đốc khối dungpt@bvsc.com.vn	Lưu Văn Lương Phó Giám đốc khối luonglv@bvsc.com.vn	Nguyễn Chí Hồng Ngọc Phó Giám đốc khối ngocnch@bvsc.com.vn
Nguyễn Đức Hoàng Ngân hàng, Xây dựng, Vật liệu xây dựng hoangnd@bvsc.com.vn	Trương Sỹ Phú Hàng tiêu dùng, CNTT phuts@bvsc.com.vn	Trần Xuân Bách Phân tích kỹ thuật bachtx@bvsc.com.vn
Trần Phương Thảo Bất động sản, Vật liệu xây dựng thaotp@bvsc.com.vn	Tôn Nữ Nhật Minh Dược phẩm, Hóa chất cơ bản, Thép minhtnn@bvsc.com.vn	Hoàng Thị Minh Huyền Chuyên viên vĩ mô huyenhtm@bvsc.com.vn
Nguyễn Hà Minh Anh Nông nghiệp, Tiện ích công cộng anhnhm@bvsc.com.vn	Nguyễn Viết Dân Cảng biển, Vận tải biển, Hàng không dannv@bvsc.com.vn	Nguyễn Hồng Hoa Chiến lược thị trường hoanh@bvsc.com.vn
Trần Tuấn Dương Tiện ích công cộng, Cao su tự nhiên, VLXD duongtt@bvsc.com.vn	Lương Ngọc Tuấn Dũng Bán lẻ, Hàng tiêu dùng dunglnt@bvsc.com.vn	Lê Hoàng Phương Chứng Khoán phuonglh@bvsc.com.vn
Nguyễn Đăng Thành Dầu khí, Hàng không thanhnd@bvsc.com.vn		



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:

- 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 24) 3 928 8080

Chi nhánh:

- Tầng 8, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM
- Tel: (84 28) 3 914 6888